

1. Nhân loại học (anthropology) ngày nay đã đặt việc nghiên cứu con người trong mạng quan hệ con người với con người và con người với xã hội. Từ chỗ ban đầu chỉ từ quan điểm sinh vật nghiên cứu nhân loại học thể chất (diễn tiến thể chất của con người), nhân loại học đã mở rộng sang quan điểm văn hóa để nghiên cứu diễn tiến phát triển văn hóa của con người - nhân loại học tinh thần, bao gồm ba bình diện (a) dân tộc học (hay còn gọi là nhân loại học văn hóa xã hội) khảo sát văn hóa và xã hội của các dân tộc, (b) khảo cổ học khảo sát những di tích về vật chất của đời sống, hoạt động của con người trong quá khứ và (c) ngôn ngữ học khảo sát ngôn ngữ của loài người. Từ đây, có thể nhận thấy mối quan hệ gắn bó giữa ngôn ngữ - văn hóa - dân tộc trong xã hội loài người, và, vì thế nghiên cứu bình diện này không thể không đặt trong mối liên hệ với bình diện kia được.

1.1. Văn hóa, thuật ngữ này từ sau định nghĩa của Edward. B. Tylor (trong cuốn "Văn hóa nguyên thủy", 1871) cho đến nay đã có trên 200 định nghĩa về nó. Mặc dù còn có những điểm khác nhau, nhưng không thể không thừa nhận rằng :

- (a) Văn hóa là tài sản của con người, độc quyền của nhân loại;
- (b) Văn hóa có thể coi là tổng thể tài sản vật chất và tài sản tinh thần của con người mà biểu hiện của nó là hình thái vật chất và hình thái tinh thần;
- (c) Văn hóa của nhân loại được hình thành từ văn hóa của mỗi dân tộc;
- (d) Nếu như coi văn hóa nhân loại là một đại hệ tri thức của nhân loại thì văn hóa của mỗi dân tộc là một hệ tri thức của dân tộc đó. Hệ tri thức này được hình thành trên cơ sở mô thức đời sống (*model of life*) riêng của mỗi dân tộc (mà mô thức đời sống của mỗi dân tộc lại được quyết định bởi sự nhận thức, cải tạo thế giới chủ quan cũng như thế giới khách quan của mỗi dân tộc).

1.2. Cũng như văn hóa, ngôn ngữ là tài sản riêng của con người, "ngoài xã hội loài người thì không thể có ngôn ngữ". Hành vi ngôn ngữ là một bộ phận của hành vi nhân loại, cho nên khi nghiên cứu ngôn ngữ không thể tách rời môi trường sống (hay bối cảnh xã hội) của người sử dụng ngôn ngữ.

Cùng là tài sản riêng của con người, ngôn ngữ và văn hóa gắn bó chặt chẽ với nhau. Mặc dù cho đến nay, câu hỏi về văn hóa có trước hay ngôn ngữ có trước vẫn còn là điều bí ẩn như quả trứng có trước hay con gà có trước, nhưng cứ như cách phân chia của nhân loại học văn hóa thì ngôn ngữ là một bộ phận của văn hóa và ở góc độ chức năng của mình thì ngôn ngữ là công cụ truyền bá văn hóa. Như vậy, có thể nói, ngôn ngữ dân tộc là một bộ phận của văn hóa dân tộc và là tấm gương phản chiếu, là công cụ truyền bá văn hóa của dân tộc đó :

- (a) Vừa là hình thức biểu hiện đồng thời là công cụ cấu thành và lưu truyền lại của văn hóa dân tộc, ngôn ngữ là một hiện tượng văn hóa;
- (b) Từ trong ngôn ngữ của một dân tộc toát lên sức sáng tạo của tư duy văn hóa dân tộc, quan niệm về văn hóa cũng như giá trị văn hóa của dân tộc đó. Điều đó có nghĩa rằng, ngôn ngữ là biểu trưng của tinh thần văn hóa dân tộc;
- (c) Vì mang trong mình thuộc tính văn hóa của dân tộc, nên sự khác biệt ở hệ thống cấu trúc ngôn ngữ cũng như ở sự vận dụng ngôn ngữ liên quan đến sự khác biệt văn hóa dân tộc.

Với ý nghĩa như vậy, xuyên văn hóa, nhìn từ góc độ dạy - học ngoại ngữ là quá trình mâu thuẫn và xung đột giữa hai hệ thống tri thức, một bên là hệ thống tri thức dân tộc đã được định hình và được thể hiện ở việc nắm vững ngôn ngữ mẹ đẻ với một bên là hệ thống tri thức đang được hình thành qua khả năng nắm bắt ngôn ngữ thứ hai (ngoại ngữ). Nói một cách trực diện hơn, cái gọi là "xuyên văn hóa" (*cross-cultural*) thực chất là sự mâu thuẫn và xung đột giữa hệ thống tri thức đã có với hệ thống tri thức khác đòi hỏi người học ngôn ngữ thứ hai đang phải lý giải để tiếp thu và nắm vững. Trong quá trình lý giải để tiếp thu ấy, người học ngôn ngữ thứ hai

luôn gặp phải hàng loạt các trường hợp mà họ phải nhanh chóng thích ứng hoặc phải kiên trì để thích ứng, nếu không, sẽ bị coi là “phạm lỗi”, “gây lỗi”. Dưới đây xin dẫn ra một vài biểu hiện:

Trường hợp 1. Người sử dụng ngoại ngữ trình bày một vấn đề rất đúng theo cấu trúc của ngôn ngữ thứ hai (ngoại ngữ) như cấu trúc câu, cách dùng từ, ngữ âm v.v... nhưng nội dung lại “trái với cách nghĩ của dân tộc đó”. Thí dụ, người phương Đông như Trung Quốc, Việt Nam khi gặp một người phương Tây lần đầu tiên, lại dùng tiếng Anh để hỏi họ đại loại những câu mang nội dung hỏi thăm về riêng tư, tuổi tác, gia đình riêng ... và, người sử dụng ngoại ngữ đã bị quy về mắc lỗi xuyên văn hóa. Lý do là vì, mới làm quen mà hỏi chuyện riêng tư là chuyện tối kỵ đối với người phương Tây nhất là phụ nữ, còn đối với người phương Đông, đây lại là điều hết sức cần thiết, vì đó là biểu hiện của sự quan tâm chân tình với khách. Một số tác giả đã coi đây là “sự xê dịch vị trí ngữ nghĩa” trong giao tiếp xuyên văn hóa (Bối ngữ nghĩa bao gồm cả nghĩa của bản thân ngôn ngữ và nghĩa văn hóa của ngôn ngữ). Vì thế, những câu cùng nội dung nhưng ở nền văn hóa này là thể hiện sự quan tâm, tự nguyện hay làm quen v.v... còn ở nền văn hóa kia lại được hiểu là sự thốc mách, bắt đố dĩ hoặc có ý dò xét, rình mò v.v...

Trường hợp 2. Người sử dụng ngoại ngữ đã dùng sai ngôn ngữ thứ hai ở bình diện cấu trúc có nguyên nhân từ sự ảnh hưởng của cấu trúc của ngôn ngữ mẹ đẻ. Ngôn ngữ học cấu trúc gọi những lỗi này là lỗi giao thoa hoặc do giao thoa, còn từ cách nhìn xuyên văn hóa, người ta cũng gán vào lỗi xuyên văn hóa và được giải thích như sau: việc học ngôn ngữ thứ hai là hoạt động trong bộ não của người học ngoại ngữ ở mặt tri nhận. Trong quá trình học tập, người học không chỉ lý giải các yếu tố của ngôn ngữ đang học mà còn vận dụng chúng vào trong hoạt động giao tiếp, một mặt phải vận dụng hệ tri thức vốn có của bản thân, mặt khác đòi hỏi phải tiếp thu các tri thức mới để xây dựng hệ tri thức mới. Sự khiếm khuyết tri thức mới hoặc chưa có khả năng vận dụng tri thức mới vào giao tiếp bằng ngoại ngữ, mà thay vào đó bằng tri thức vốn có là nguyên nhân gây ra lỗi xuyên văn hóa. Tất nhiên, khiếm khuyết này gắn liền với sự không thích ứng về tâm lý văn hóa của người sử dụng ngoại ngữ - một cơ chế tâm lý của người sử dụng khi phán đoán giá trị ngôn ngữ hay lựa chọn ngôn ngữ dưới tác động của bối cảnh văn hóa nhất định. Có thể dẫn chứng cho sự lý giải này ở cả ba bình diện ngữ âm, ngữ pháp và từ vựng - ngữ nghĩa. Chẳng hạn, ở bình diện ngữ âm, cùng với tính vật lý và sinh lý, ngữ âm có tính xã hội. Chính tính xã hội này đã tạo nên tính thống nhất tương hỗ giữa ngữ âm (âm thanh có thể tạo thành từ ngữ) ngôn ngữ với văn hóa xã hội của dân tộc đó. Sự cố xuyên văn hóa ở bình diện này chính là “sự không thích ứng” khi nghe, khi nói cũng như khả năng cảm thụ âm thanh trong một số trường hợp. Điều này có thể giúp cho lý giải tại sao âm thanh của các từ láy như *khấp khểnh*, *gập ghềnh* ... hay của các tổ hợp *vàng khè*, *vàng choe*, *vàng xoè* ... trong tiếng Việt chẳng giúp ích gì cho người nước ngoài, dù có giỏi tiếng Việt, hiểu được nghĩa của chúng; ở bình diện ngữ pháp như cấu trúc câu chẳng hạn, sự khác nhau về hình thức cấu tạo câu giữa các ngôn ngữ cũng phản ánh sự khác nhau về hệ thống tri thức của mỗi dân tộc khi cấu trúc câu cho ngôn ngữ dân tộc mình. Sự khác nhau này không chỉ dừng lại ở tri thức ngữ pháp mà nó phản ánh cả sự khác nhau về phương thức, phương pháp hành vi trong nhận thức, phản ánh thế giới khách quan, tư duy, cách thức tổ chức nội dung tư tưởng để biểu đạt câu của mỗi dân tộc. Sự thiếu hụt tri thức đó sẽ dẫn đến cấu trúc câu không đúng về mặt ngữ pháp hoặc có thể không sai về hình thức cấu trúc nhưng người bản ngữ lại “không nói như vậy”; ở bình diện từ vựng - ngữ nghĩa, có rất nhiều điều để nêu nhưng có lẽ nổi lên, hay được nhắc đến là sự khác nhau về đặc trưng văn hóa được phản ánh trong các nét nghĩa của những từ tương đương giữa các ngôn ngữ. Thí dụ, nét nghĩa trong *breakfast* của người Anh với *ăn sáng/điểm tâm* trong tiếng Việt hẳn là khác nhau hay nét nghĩa trong *xiao, zhong* của người Hán khác với *hiếu, trung* của người Việt. Cho nên, chẳng hạn như, khi người Việt mời một người Anh đi ăn sáng ở Việt Nam bằng tiếng Anh có thể làm cho người Anh kia sẽ có cách hiểu khác nhau hoặc phải thay đổi cách hiểu từ *breakfast* sau khi ăn sáng ở Việt Nam theo cách của người Việt Nam. Nhưng điều hay được nhắc đến là, cái nghĩa hàm chỉ trong từ luôn “có ý nghĩa bình giá và gợi sự liên tưởng về văn hóa trong từng môi trường văn hóa dân tộc”. Điều này hẳn là nguyên nhân gây ra lỗi xuyên văn hóa. Thí dụ, con trâu trong tư duy truyền thống của người Việt gợi hình ảnh “con trâu là đầu cơ nghiệp”, “con trâu đi trước cái cày đi sau”, vì thế người Việt mới nói “không có trâu bắt ngựa đi cày”. Điều này chẳng gợi liên tưởng gì đối với người ở vùng văn hóa khác, như người

Trung Quốc, nhất là ở phía Bắc chẳng hạn, khi họ dùng ngựa để cày (còn nếu không có ngựa thì dùng chó để cày thay, “vô ngựa cẩu đà lè”). Như vậy, có thể nói, ở bình diện nào cũng bắt gặp những lỗi của người sử dụng ngoại ngữ có nguyên nhân từ xuyên văn hóa.

Trường hợp 3. Người sử dụng ngoại ngữ diễn đạt bằng ngoại ngữ theo thói quen của truyền thống văn hóa dân tộc được thể hiện trong cách diễn đạt bằng bản ngữ. Thí dụ, trong giao tiếp, người Việt rất coi trọng việc dùng từ xưng hô “nói phải có chủ ngữ” để thể hiện là “có văn hóa”, nếu không sẽ bị coi là ngược lại. Cách tư duy này được nhiều người Việt học ngoại ngữ “áp dụng” tràn lan khi sử dụng ngoại ngữ. Đường như, họ cảm thấy “lấn cấn” và có điều gì như là “không phải cho lắm” nếu trong phát ngôn bằng ngoại ngữ của mình thiếu vắng từ xưng hô. Thí dụ : Please you come in; Qing ni jin lai. (Thậm chí, trong tư liệu mà chúng tôi thu thập được, có cả những phát ngôn do quá chú ý đến cách dùng từ xưng hô mà dẫn đến dùng sai kiểu như “thank you for you”. Và, có phải vì thế mà gần đây báo *Văn hóa thể thao* có kiểu dịch mới là “*thưa anh* Beckham, xin anh cho biết”; “*Anh Owen ơi*”...). Hoặ như, người Anh khi được khen thì đáp lại bằng lời cảm ơn *thank you*, còn người Việt thì dùng các phát ngôn phủ định lại để biểu thị sự khiêm tốn như “đâu có”, “không”, “cũng là nhờ sếp chỉ bảo” ... Người sử dụng ngoại ngữ nếu không thích ứng được sẽ dùng lẫn và rất có thể gây cảm phiền cho đối tượng giao tiếp.

3. Truyền thống dạy - học ngoại ngữ chỉ chú trọng tới “năng lực ngôn ngữ thuần túy” nhằm tạo ra một kỹ năng về câu đúng cả nghĩa lẫn ngữ pháp. Nhưng thực tế cho thấy, không ít câu đúng về nghĩa, ngữ pháp do người học ngoại ngữ tạo ra lại không phù hợp với chuẩn tắc giao tiếp của xã hội đó. Vì thế, cùng với năng lực ngôn ngữ, cần có cả “ý thức về thụ đắc lời nói hay còn gọi là năng lực văn hóa xã hội”. Nói cách khác, dạy - học ngoại ngữ cần kết hợp cả hai năng lực, năng lực ngôn ngữ và năng lực văn hóa xã hội, “năng lực giao tiếp bao gồm năm nhân tố: nghe, nói, đọc, viết (thuộc năng lực ngôn ngữ) và năng lực tạo nên sự hoà hợp khi giao tiếp với người ở nền văn hóa khác (năng lực văn hóa xã hội)” (American Council on teaching foreign languages - ACTFL).

Trong nhiều điều người viết muốn trao đổi mà chưa nêu ra ở đây do giới hạn của bài viết, thì có một đôi điều liên quan đến xuyên văn hóa trong dạy - học ngoại ngữ. Đó là :

- Khi nói đến việc sử dụng ngôn ngữ thứ hai với tư cách là ngoại ngữ, người ta thường nhắc đến khái niệm giao thoa ngôn ngữ và giao thoa văn hóa - xã hội và hệ quả kèm theo là những sốc, lỗi, sự cố ... Nhưng, nhìn ra thế giới hiện nay mà ngẫm nghĩ, thì hóa ra, chính nhờ các kiểu giao thoa đó mới có tiếng Anh - Mỹ, tiếng Anh - Canada, và gần đây báo chí đề cập nhiều đến hiện tượng Singlish ở Singapore v.v... Cũng nhờ đó, các ngôn ngữ được cấp thêm vào trong ngôn ngữ của mình những cấu trúc câu, những phong cách diễn đạt mới. Thứ nữa, liệu người Việt Nam có được sử dụng tiếng Anh theo kiểu *Mr / Mrs / Miss + tên* (hay cứ phải + *họ*), gọi thầy giáo chỉ bằng *họ / họ tên* hay phải thêm *teacher* ở trước ... Và, chẳng lẽ, người Việt khi nói tiếng Anh lại không thể chào hỏi nhau theo kiểu *have you eaten yet* ... Như vậy, dường như còn phải tiếp tục tách ra giữa việc học ngoại ngữ - thụ đắc ngôn ngữ + thụ đắc văn hóa với việc sử dụng ngôn ngữ trong các bối cảnh văn hóa khác nhau. Vì thế, câu nhận xét lỗi xuyên văn hóa lại hay mắc nhiều ở người có trình độ về ngoại ngữ có lẽ mới chỉ đúng một nửa.

- Nếu như coi ngôn ngữ là bộ phận và là công cụ của văn hóa thì việc dạy - học văn hóa của dân tộc có ngôn ngữ đang được coi là ngoại ngữ ấy là dạy - học điều gì? Cách nghĩ “có điều gì mà không phải là văn hóa” đã đưa người ta đến chỗ dễ dàng gán cho giáo trình văn hóa trong chương trình dạy ngoại ngữ là một hai tác phẩm văn học, vài mẫu chuyện về các phong tục được chấp nhận lại v.v... Thật khó! Nhưng nếu trên cơ sở của quan điểm cho rằng, văn hóa dân tộc nằm ngay trong các yếu tố ngôn ngữ của dân tộc (như cách phát âm, cách cấu tạo từ, cách đặt câu ...) thì phải chăng dạy ngôn ngữ đồng thời cũng là dạy văn hóa, và, nó là sự kết hợp nhuần nhuyễn khó bề tách bạch?

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Wang Kuijing. *Nghiên cứu lý luận học tập ngôn ngữ thứ hai*. Bắc Kinh, Đại học Sư phạm xuất bản xã, 1998 (bằng tiếng Hán).

2. Nguyễn Văn Khang. *Tiếng Hán ở Việt Nam hiện nay với tư cách là một ngoại ngữ*. Ngôn ngữ, 7/1999.
3. Nguyễn Văn Khang. *Ngôn ngữ học xã hội*. Hà Nội, Nxb Khoa học xã hội, 1999.
4. Lado, Robert. *Linguistics Across Cultures*. Ann Arbor. The University of Michigan Press, 1960.
5. Wei Chunmu. *Nghiên cứu sự chuyển dịch vị trí ngữ nghĩa trong giao tiếp xuyên văn hóa*. Ngoại ngữ dạy học, 1/1993 (bằng tiếng Hán).

YẾU TỐ VĂN HÓA, XÃ HỘI - CỦA NGÔN NGỮ VÀ VAI TRÒ CỦA CHÚNG TRONG DẠY - HỌC NGOẠI NGỮ

GVC NGUYỄN LAI

Khoa Ngôn ngữ & Văn hóa Nga

Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ là một sáng tạo kỳ diệu và lớn lao của con người. Do là một hiện tượng phức tạp và đa diện, nên ngôn ngữ (Langue - язык) trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau - trên các quan điểm rất khác nhau như xã hội - ngôn ngữ học (sociolinguistique), dân tộc - ngôn ngữ học (ethnolinguistique), tâm lý - ngôn ngữ học (psycholinguistique) v.v... Người ta cũng nói đến ngôn ngữ thi ca, ngôn ngữ điện ảnh, ngôn ngữ hội họa, ngôn ngữ quảng cáo, ngôn ngữ có lời, ngôn ngữ không lời, ngôn ngữ tình yêu v.v... Và tất nhiên, ngôn ngữ là đối tượng nghiên cứu và giảng dạy của các nhà ngôn ngữ, giáo viên dạy ngoại ngữ. Ngôn ngữ học thực sự là một khoa học đa bộ môn.

Trong bài này, chúng tôi chỉ muốn đề cập đến một số điều liên quan tới yếu tố văn hóa, xã hội của ngôn ngữ và vai trò của chúng trong việc giảng dạy ngoại ngữ trong môi trường ngôn ngữ không đồng nhất (heterogenous - гетерогенная языковая среда) như chúng ta hiện đang dạy các thứ tiếng nước ngoài tại Việt Nam. Ở đây, chúng tôi cũng không dám lạm bàn sang lĩnh vực văn hóa ngôn ngữ (Culture of speech - культура речи), tức là vấn đề trau dồi ngôn ngữ hoặc chuẩn hóa ngôn ngữ - một vấn đề có tính thời sự không chỉ trong tiếng Việt hiện nay, mà cả trong nhiều ngôn ngữ trên thế giới hiện đang lâm vào tình trạng "khủng hoảng ngôn ngữ" (theo lời của các nhà ngôn ngữ học phương Tây).

2. Ngôn ngữ và văn hóa

Ngôn ngữ là công cụ của tư duy, là phương tiện giao tiếp của con người, đồng thời còn là một hình thái văn hóa. Từ "văn hóa" thường được dùng với nhiều nghĩa khác nhau, cũng như có các định nghĩa khác nhau. Nhưng với nghĩa phổ biến nhất của từ này, có thể hiểu rộng ra "văn hóa" là tất cả những gì do con người tạo ra. Nó được chia thành hai phần: vật chất và tinh thần. Tất nhiên, khái niệm "văn hóa tinh thần" hẹp hơn khái niệm văn hóa nói chung. Cuối cùng thì người ta cũng dùng từ "văn hóa" để chỉ những gì có thể gọi bằng từ "nghệ thuật". Ngôn ngữ thường được thể hiện với tư cách là hình thức bên ngoài của các hiện tượng văn hóa. Chẳng hạn như, một tác phẩm thuộc về một nền văn học dân tộc nào đó, tất nhiên, trước hết được xác định qua thứ ngôn ngữ mà tác phẩm đó được viết. Điều này có nghĩa là những sáng tác vĩ đại của Puskin, Lermontov, Dostoevski, Tolstói, Turgenev là bộ phận không thể thiếu của nền văn học Nga. Cũng đúng như vậy, các bi kịch bất tử của Shakespeare là tài sản của nền văn học Anh cũng như không thể nào tách rời Alphonse Daudet, Guy de Maupassant, Victor Hugo ra khỏi nền văn học Pháp v.v...

2.1. Ảnh hưởng qua lại mật thiết giữa ngôn ngữ và văn hóa

Chúng ta đều có chung một nhận xét thú vị là: Khi tiếp xúc với các nhà Nho học, Hán học, ta đều thấy ở họ in đậm dấu ấn của nền văn hóa Trung Hoa, còn các nhà Tây học mang đậm bản sắc văn hóa phương Tây. Và thậm chí thầy dạy thứ tiếng nào thì ít nhiều đều mang